

Số: **09/2022/QĐST-DS**

*T, ngày 08 tháng 02 năm 2022*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

*Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 299, 317, 320, 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều  
468 Bộ luật Dân sự;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về giao  
dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 2 năm 2012 sửa  
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12  
năm 2006 về giao dịch bảo đảm*

*Căn cứ vào Khoản 2 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/  
UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp,  
quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc  
các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự  
thụ lý số 08/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp  
đồng tín dụng”.*

### **XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**

Trụ sở: Số 22, phố N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T, Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản (Giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020)

Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Xuân S, bà Đặng Phương T, ông Nguyễn Quốc T (Giấy ủy quyền số 16599/UQ-PVB ngày 21/9/2021)

**Bị đơn: Ông Đinh Đức T, sinh năm 1987**

Căn cước công dân số 038087015025 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021

**Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1988**

Căn cước công dân số 038188002073 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 15/9/2016

Cùng HKTT và chỗ ở: Căn hộ 3004 Tòa A, Trung tâm thương mại dịch vụ nhà ở cao tầng, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

**Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

**Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp V**

Trụ sở: A8, Lô 15, khu đô thị mới Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng T, chủ tịch HĐQT

Đại diện ủy quyền: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1981; trú tại: P.2606B, tòa nhà H, phường M, quận H, Hà Nội

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Xác nhận tính đến ngày 25/01/2022, ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng cho vay số 0705/2018/HĐTD/PVB-BTX ngày 07/05/2018 và các khế ước nhận nợ kèm theo số tiền là:

\* Khế ước nhận nợ số 01 ngày 17/05/2018: nợ gốc: 305.657.766 đồng; lãi trong hạn: 84.157.639 đồng; lãi quá hạn: 12.905.008 đồng; lãi chậm trả: 9.578.071 đồng; tổng cộng: 412.298.484 đồng.

\* Khế ước nhận nợ số 02 ngày 02/7/2018: nợ gốc: 68.734.234 đồng; lãi trong hạn: 13.571.891 đồng; lãi quá hạn: 2.484.015 đồng; lãi chậm trả: 1.276.769 đồng; tổng cộng: 86.066.909 đồng.

Tổng số tiền ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng cho vay số 0705/2018/HĐTD/PVB-BTX ngày 07/05/2018 và các khế ước nhận nợ kèm theo là: nợ gốc: 374.392.000 đồng; lãi trong hạn: 97.729.530 đồng; lãi quá hạn: 15.389.023 đồng; lãi chậm trả: 10.854.840 đồng; tổng cộng: 498.365.393 đồng.

**2.2.** Chậm nhất là ngày 28/4/2022, ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ khoản nợ trên.

Kể từ ngày 26/01/2022, ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 0705/2018/HĐTD/PVB-BTX ngày

07/05/2018 và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa hai bên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Căn hộ số 3004, Tòa nhà A, Trung tâm thương mại dịch vụ nhà ở cao tầng, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số A3004/2018/HĐMBCHCC ký ngày 24/03/2018 giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ tổng hợp V với ông Đinh Đức T, gồm cả các Phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này.

**2.3.** Xác nhận ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T còn phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ tổng hợp V để được nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Căn hộ 3004 Tòa A, Trung tâm thương mại dịch vụ nhà ở cao tầng, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, số tiền tính đến ngày 25/01/2022 là: 52.146.970 đồng, tiền lãi phát sinh là 18.016.448 đồng và phí dịch vụ: 5.441.400 đồng; tổng cộng: 75.604.818 đồng.

**2.4.** Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm mà ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T không thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ tổng hợp V số tiền trên thì Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ tổng hợp V có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng TMCP Đ trong việc xử lý tài sản bảo đảm. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sẽ được ưu tiên thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ tổng hợp V 75.604.818 đồng là số tiền nghĩa vụ tài chính của ông T, bà T đối với Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ tổng hợp V để Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ tổng hợp V bàn giao Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Căn hộ nêu trên đảm bảo thi hành án.

**2.5.** Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ khoản nợ của ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T tại Ngân hàng TMCP Đ thì ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán nốt khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên.

**2.6.** Về án phí: Ông Đinh Đức T, bà Trịnh Thị T chịu toàn bộ 11.967.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả ngân hàng TMCP Đ số tiền 12.080.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0009711 ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Mạnh Hải**